

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ
khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 ;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKH-CN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BKH-CN ngày 28/11/2014; Thông tư số 11/2014/TT-BKH-CN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 35/TTr-KHCN ngày 01 tháng 11 năm 2016 và Văn bản số 509/KHCN-QLKH ngày 20/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Các Ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *Thg*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên HĐKH&CN tỉnh;
- V0, V1-5, NLN1-3, TM, TH;
- Lưu: VT, NLN1 (35b- QĐ 22)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Huy Hậu
Đặng Huy Hậu

QUY ĐỊNH

Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1372/2017/QĐ-UBND

ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KH&CN Tỉnh.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân vận dụng Quy định này thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn Tỉnh sử dụng các nguồn vốn khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ KH&CN là những vấn đề KH&CN cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh là nhiệm vụ KH&CN giải quyết những vấn đề KH&CN của Tỉnh do UBND tỉnh phê duyệt.

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp Cơ sở là nhiệm vụ KH&CN giải quyết các vấn đề KH&CN của sở, ban, ngành, tổ chức, huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là ngành, huyện) do thủ trưởng ngành, huyện ký hợp đồng thực hiện.

4. Đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN là việc đưa ra yêu cầu về sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN, cung cấp kinh phí để tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN tạo ra sản phẩm KH&CN.

5. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi tắt là tuyển chọn) là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm phù hợp nhất để thực hiện nhiệm vụ KH&CN thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

6. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

7. Nhiệm vụ không hoàn thành là nhiệm vụ bị đình chỉ trong quá trình thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt do sai phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ do nguyên nhân khách quan; hoặc là nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá nghiệm thu đánh giá “Không đạt”.

8. Cơ quan quản lý ngành là các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.

9. Các thuật ngữ khác không nêu tại văn bản này được hiểu thống nhất theo quy định của Luật KH&CN.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN

1. Nhiệm vụ KH&CN phải có tính mới, không trùng lặp với các nhiệm vụ khác đã và đang thực hiện bằng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Nhiệm vụ KH&CN phải phù hợp với chủ trương, định hướng của Tỉnh; có địa chỉ ứng dụng; có kế hoạch và phương án nguồn lực khả thi, phù hợp để ứng dụng, nhân rộng kết quả thành công của nhiệm vụ.

Điều 4. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh là các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN; có đủ tiềm lực (nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính...) và năng lực tổ chức, liên kết để thực hiện nhiệm vụ KH&CN (ưu tiên tổ chức KH&CN và doanh nghiệp KH&CN), trừ một trong các trường hợp sau đây:

– Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ trước đây;

– Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu trên 06 tháng mà không có ý kiến chấp thuận của Sở KH&CN thì tổ chức chủ trì nhiệm vụ sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ mới trong thời hạn 02 năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng;

– Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do nguyên nhân chủ quan hoặc không tham gia triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng, trừ trường hợp bất khả kháng thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời không được tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị xử lý vi phạm;

– Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ theo quy định sẽ không được đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 02 năm.

2. Yêu cầu đối với chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do tổ chức chủ trì lựa chọn và chịu trách nhiệm. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là cá nhân có trình độ đại học trở lên; Có chuyên môn phù hợp, đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học của nhiệm vụ KH&CN từ 03 năm trở lên tính đến thời điểm nộp hồ sơ; Có khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ.

b) Tại một thời điểm mỗi cá nhân chỉ được chủ nhiệm 01 nhiệm vụ KH&CN.

c) Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

– Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh chậm từ 03 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Sở KH&CN sẽ không được làm chủ nhiệm nhiệm vụ trong thời gian 02 năm;

– Là chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được làm chủ nhiệm nhiệm vụ trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu;

– Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ theo quy định sẽ không được đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 02 năm.

Điều 5. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Là đơn vị có tư cách pháp nhân; có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ; có đủ khả năng huy động tiềm lực (nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính...) và năng lực tổ chức, liên kết để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

– Do tổ chức chủ trì lựa chọn và chịu trách nhiệm, có chuyên môn phù hợp và có trình độ từ tốt nghiệp cao đẳng trở lên, đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học của nhiệm vụ KH&CN từ 03 năm trở lên tính đến thời điểm nộp hồ sơ; có đủ khả năng trực tiếp thực hiện tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ;

– Tại một thời điểm mỗi cá nhân chỉ được chủ nhiệm 01 nhiệm vụ KH&CN.

Chương II QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Điều 6. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN

1. Hàng năm, căn cứ hướng dẫn lập kế hoạch của Bộ KH&CN và chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở KH&CN thông báo trên Cổng thông tin điện tử Quảng Ninh, gửi văn bản hướng dẫn cho các ngành, huyện và đơn vị để đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Các ngành, huyện và đơn vị nộp hồ sơ đề xuất đặt hàng cho từng nhiệm vụ KH&CN về Sở KH&CN, thành phần hồ sơ gồm

– Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN (theo hướng dẫn của Sở KH&CN);

– Kế hoạch và phương án nguồn lực khả thi, phù hợp để ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện thành công nhiệm vụ của tổ chức ứng dụng kết quả.

Điều 7. Xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Sở KH&CN tập hợp các hồ sơ Đề xuất đặt hàng đầy đủ thông tin, báo cáo Hội đồng KH&CN Tỉnh. Sở KH&CN xin ý kiến ngành, huyện có liên quan hoặc tổ chức Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN xem xét sự cần thiết thực hiện nhiệm vụ KH&CN trước khi báo cáo Hội đồng KH&CN tỉnh.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN

Giám đốc Sở KH&CN quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN. Hội đồng gồm ít nhất 7 thành viên, Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở KH&CN, Thư ký khoa học là Lãnh đạo Phòng chuyên môn của Sở KH&CN, các thành viên khác là chuyên gia KH&CN hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp có liên quan. Thư ký hành chính là chuyên viên Phòng chuyên môn của Sở KH&CN, giúp việc cho Hội đồng. Hội đồng xem xét, bỏ phiếu đánh giá sự cần thiết thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt thống nhất. Thư ký khoa học lập biên bản làm việc của Hội đồng.

3. Hội đồng KH&CN tỉnh

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng KH&CN tỉnh. Thư ký hành chính là chuyên viên Phòng chuyên môn của Sở KH&CN, giúp việc cho Hội đồng. Hội đồng thảo luận từng nhiệm vụ được đề xuất đặt hàng về các tiêu chí: tính cấp thiết, tính mới, tính khả thi, khả năng ứng dụng, khả năng nhân rộng và khả năng huy động nguồn lực để triển khai thực hiện. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá sự cần thiết thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đề nghị thực hiện khi có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt bỏ phiếu đề nghị thực hiện. Biên bản họp Hội đồng bao gồm thông tin chính của các nhiệm vụ được đề xuất thực hiện: tên nhiệm vụ, phương thức thực hiện (giao trực tiếp hoặc tuyển chọn, nếu giao trực tiếp thì nêu rõ tổ chức chủ trì), tổ chức ứng dụng kết quả cho từng nhiệm vụ.

4. Trường hợp nhiệm vụ có tính cấp thiết, theo yêu cầu đột xuất của Tỉnh, Sở KH&CN chủ trì lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng KH&CN Tỉnh, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN.

5. Lấy ý kiến chuyên gia

a) Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở KH&CN lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập trước khi tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh mục.

b) Chuyên gia tư vấn độc lập phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

– Có thâm niên công tác trong cùng lĩnh vực được mời tư vấn từ 07 năm trở lên;

– Có tư cách đạo đức tốt, có năng lực hành vi dân sự;

– Là người không có quan hệ thân thuộc, liên quan tài chính với tổ chức (cá nhân) thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 8. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ Biên bản họp Hội đồng KH&CN tỉnh, tổ chức ứng dụng kết quả có trách nhiệm lập kế hoạch ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu nếu sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN đạt được mục tiêu đề ra; Đồng thời đề xuất mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN, lấy ý kiến cơ quan quản lý ngành gửi Sở KH&CN.

2. Sở KH&CN trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ KH&CN, bao gồm các thông tin chính: tên nhiệm vụ, mục tiêu, yêu cầu sản phẩm, phương thức thực hiện (giao trực tiếp hoặc tuyển chọn, nếu giao trực tiếp thì nêu rõ tổ chức chủ trì), tổ chức ứng dụng kết quả cho từng nhiệm vụ. Nhiệm vụ KH&CN phải được thực hiện theo hình thức tuyển chọn, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 điều 30 luật KH&CN số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013.

3. Sở KH&CN có trách nhiệm thông báo công khai danh mục này trên Cổng thông tin điện tử của Sở.

Điều 9. Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

Vận dụng Điều 5 của thông tư số 01 /VBHN-BKH&CN ngày 28/11/2014 của Bộ KH&CN Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, áp dụng cụ thể thành phần hồ sơ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh gồm:

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
2. Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN;
3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN (nếu có);
4. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ KH&CN có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (nếu có cơ quan quản lý nhân sự);
6. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có tổ chức phối hợp);
7. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm và các tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
8. Văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất, cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vốn vay của tổ chức tín dụng, cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia);
9. Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực KH&CN, trang thiết bị của đơn vị phối hợp, khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác);
10. Kế hoạch và phương án nguồn lực khả thi, phù hợp của đơn vị tiếp nhận để ứng dụng, nhân rộng kết quả thành công của nhiệm vụ.

Điều 10. Thông báo đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Vận dụng Điều 6 của thông tư số 01 /VBHN-BKHCN ngày 28/11/2014 của Bộ KH&CN Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, áp dụng cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

1. Căn cứ danh mục nhiệm vụ KH&CN được UBND tỉnh phê duyệt, Sở KH&CN thông báo tuyển chọn tổ chức chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên cổng thông tin điện tử của Sở KH&CN.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn gồm 11 bộ hồ sơ (gồm 01 bản gốc và 10 bản sao) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

- a) Tên nhiệm vụ KH&CN;
- b) Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp);
- c) Họ tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và danh sách cá nhân tham gia chính thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- d) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

Điều 11. Mở hồ sơ tham gia tuyển chọn

Sở KH&CN mời đại diện các cơ quan liên quan, đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được nộp đúng thời hạn, chuẩn bị đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 3 của Quy định này.

Điều 12. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

Do Giám đốc Sở KH&CN quyết định thành lập. Hội đồng có ít nhất 7 thành viên, trong đó: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở KH&CN, Thư ký khoa học là Lãnh đạo Phòng chuyên môn của Sở KH&CN, 01 ủy viên là Lãnh đạo Sở Tài chính, 02 phản biện và các thành viên khác là các nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn. Thư ký hành chính là chuyên viên phòng chuyên môn của Sở KH&CN, giúp việc cho Hội đồng. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét các hồ sơ hợp lệ về nội dung chuyên môn và dự toán kinh phí để tư vấn lựa chọn cơ quan chủ trì (với nhiệm vụ tuyển chọn) và yêu cầu hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ.

2. Phương thức làm việc của Hội đồng

a) Phiên họp Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự. Trong đó có Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

b) Hội đồng thảo luận và chấm điểm độc lập vào phiếu đánh giá. Hội đồng công

khai kết quả đánh giá; kiến nghị tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN và thông qua biên bản làm việc.

c) Tổ chức, cá nhân được hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm “không” (điểm 0); Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của chủ tịch hội đồng được ưu tiên để xếp hạng.

d) Trường hợp Hội đồng thống nhất thực hiện nhiệm vụ

– Hội đồng kiến nghị các thông tin cơ bản như: Tên tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Mục tiêu, nội dung và sản phẩm KH&CN chính của nhiệm vụ với các yêu cầu khoa học, chất lượng tương ứng cần phải đạt (nếu có); Nhu cầu nhân lực, nguyên vật liệu chủ yếu, năng lượng, máy móc thiết bị, thời gian thực hiện; Phương thức khoán chi (khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần); Các điểm cần chỉnh sửa khác trong nội dung thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.

– Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ KH&CN theo kết luận của Hội đồng. Hội đồng ủy quyền cho ít nhất 02 ủy viên Hội đồng (trong đó có ít nhất 01 phản biện) chịu trách nhiệm rà soát việc chỉnh sửa Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì theo kết luận của Hội đồng. Bản xác nhận rà soát là một thành phần hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ.

– Hội đồng ủy quyền cho tổ thẩm định kinh phí do chủ tịch Hội đồng là tổ trưởng, thành viên là lãnh đạo Sở Tài chính và một số thành viên khác do chủ tịch Hội đồng mời. Thư ký hành chính của tổ thẩm định kinh phí là thư ký hành chính của Hội đồng. Tổ thẩm định kinh phí tiến hành thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ.

đ) Trường hợp tổ chức tuyển chọn mà không có hồ sơ nào được chọn, Sở KH&CN tiếp tục thông báo tuyển chọn lần 2. Nếu sau 02 lần tổ chức tuyển chọn mà vẫn không có hồ sơ được chọn, Sở KH&CN báo cáo UBND tỉnh cho dừng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

e) Trường hợp nhiệm vụ được giao trực tiếp mà tổ chức chủ trì không đủ năng lực thực hiện hoặc thuyết minh nhiệm vụ không chứng minh được tính cần thiết, tính khả thi, khả năng ứng dụng, Giám đốc Sở KH&CN báo cáo UBND tỉnh dừng thực hiện nhiệm vụ.

Điều 13. Phê duyệt nhiệm vụ

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ gửi Sở KH&CN rà soát, trình UBND tỉnh phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết Giám đốc Sở KH&CN lấy ý kiến của các ngành hoặc chuyên gia tư vấn độc lập hoặc kiểm tra thực tế cơ sở vật chất – kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN trước khi trình UBND tỉnh.

Điều 14. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Căn cứ Quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN, giao Sở KH&CN tiến hành triển khai việc ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ

trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại thông tư 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ KH&CN ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

Điều 15. Kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ kế hoạch, kết quả của các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm lập báo cáo về nội dung, tiến độ thực hiện, kinh phí đã sử dụng của nhiệm vụ KH&CN gửi Sở KH&CN và cơ quan tiếp nhận kết quả nghiên cứu định kỳ 03 tháng hoặc theo yêu cầu đột xuất của Sở KH&CN.

3. Sở KH&CN tổ chức kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN định kỳ 2 lần/năm hoặc đột xuất về nội dung, tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí (bao gồm cả kinh phí từ ngân sách tỉnh và kinh phí ngoài ngân sách tỉnh) theo hồ sơ nhiệm vụ đã được phê duyệt.

Điều 16. Tạm ứng và thanh, quyết toán kinh phí

1. Tạm ứng kinh phí: Căn cứ quyết định phân khai kinh phí của UBND tỉnh, Sở KH&CN cấp tạm ứng theo nguyên tắc.

– Theo quy định tại hợp đồng đã ký giữa Sở KH&CN và cơ quan chủ trì;

– Tổng kinh phí tạm ứng không vượt quá 50% tổng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước;

– Kinh phí tạm ứng không vượt quá kinh phí còn lại trong dự toán năm được cấp có thẩm quyền giao cho nhiệm vụ KH&CN;

– Số kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước còn lại sau khi tạm ứng không dưới 20% tổng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho thực hiện nhiệm vụ (với nhiệm vụ có tổng kinh phí dưới 500 triệu đồng) hoặc không dưới 100 triệu đồng (với nhiệm vụ có tổng kinh phí từ 500 triệu đồng trở lên).

Tổ chức chủ trì có trách nhiệm sử dụng kinh phí đã tạm ứng đúng mục đích, đúng chế độ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Thanh toán, quyết toán kinh phí

a) Kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được thanh, quyết toán theo quy định hiện hành. Đối với các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong nhiều năm tổ chức chủ trì quyết toán hàng năm theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi. Khi kết thúc nhiệm vụ KH&CN thì tổng hợp lũy kế quyết toán từ năm đầu thực hiện đến năm báo cáo.

b) Kinh phí còn lại được cấp sau khi

– Nhiệm vụ KH&CN đã được Sở KH&CN phê duyệt quyết toán;

– Nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Tỉnh do Sở KH&CN thành lập xếp loại Đạt yêu cầu trở lên;

– Các sản phẩm đã được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp Tỉnh và nộp đầy đủ về Sở KH&CN;

– Nhiệm vụ đã được đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Tổ chức chủ trì lưu giữ hồ sơ, chứng từ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ, chứng từ thanh toán do mình phê duyệt.

Điều 17. Điều chỉnh hợp đồng

1. Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động và tự chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh nội dung, kinh phí thực hiện trong phạm vi tổng mức kinh phí được giao khoán.

2. Ngoài những nội dung được khoán theo quy định, những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến thời gian, nội dung và kinh phí, tổ chức chủ trì phải kịp thời báo cáo về Sở KH&CN. Sở KH&CN thống nhất với cơ quan tiếp nhận và các ngành, huyện có liên quan (nếu có) giải quyết theo nguyên tắc

a) Thời gian thực hiện: Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ và được sự chấp thuận bằng văn bản của Sở KH&CN. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng. Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

b) Kinh phí: Không phát sinh tăng thêm.

c) Nội dung: Không làm thay đổi tên, mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Các điều chỉnh không thuộc quy định trên, Sở KH&CN trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 18. Đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Sở KH&CN báo cáo UBND tỉnh đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong những trường hợp sau

1. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KH&CN là không cần thiết hoặc không có khả năng hoàn thành mục tiêu đã được phê duyệt.

2. Tổ chức chủ trì sử dụng kinh phí được cấp không đúng mục đích.

3. Có đơn phản ánh về nhiệm vụ KH&CN không phù hợp, hoặc đã được thực hiện tại tỉnh, hoặc có những vấn đề phức tạp của nhiệm vụ cần phải xem xét lại.

Điều 19. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở KH&CN. Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ có ít nhất 7 thành viên (Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; 02 phản biện; các thành viên khác). Hội đồng bao gồm đại diện tổ chức tiếp nhận kết quả nhiệm vụ và đại diện cơ quan quản lý lĩnh vực chuyên ngành. Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng (Số lượng, khối lượng, chất lượng, chủng loại, tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm...); tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp

nguyên cứu, kỹ thuật sử dụng...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...). Hội đồng xếp loại theo 2 mức “Đạt” và “Không đạt”. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo theo ý kiến của Hội đồng.

2. Hồ sơ được Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá xếp loại “Đạt” thì mới được tổ chức nghiệm thu cấp tỉnh.

Điều 20. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu chính thức

Vận dụng Điều 6 của thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ KH&CN Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, áp dụng cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

1. Tổ chức chủ trì nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở KH&CN, gồm: 11 bộ hồ sơ (gồm 01 bản gốc và 10 bản sao) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14.

2. Thành phần Hồ sơ gồm:

– Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ chính thức của tổ chức chủ trì;

– Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ;

– Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

– Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ;

– Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có);

– Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ;

– Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá;

– Các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN;

– Các tài liệu khác (nếu có).

Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở KH&CN tổ chức Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 21. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN

1. Giám đốc Sở KH&CN thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN. Thành phần Hội đồng tương tự như Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN về tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...); Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng (Số lượng, khối lượng, chất lượng, chủng loại, tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm...).

2. Phương thức làm việc của Hội đồng

a) Phiên họp Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch và 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

b) Hội đồng thảo luận, chấm điểm và đánh giá xếp loại nhiệm vụ theo 3 loại: xuất sắc, đạt, không đạt. Trường hợp nhiệm vụ được đánh giá xếp loại “Không đạt”, Hội đồng cần xác định rõ các nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng để xử lý theo quy định hiện hành. Hội đồng công khai kết quả đánh giá và thông qua biên bản làm việc.

c) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày họp Hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh sản phẩm nhiệm vụ KH&CN theo kết luận của Hội đồng. Hội đồng ủy quyền cho ít nhất 02 ủy viên Hội đồng (Trong đó có ít nhất 01 phản biện) chịu trách nhiệm rà soát việc chỉnh sửa sản phẩm nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì theo kết luận của Hội đồng. Bản xác nhận rà soát là một thành phần hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Trường hợp tổ chức chủ trì nộp hồ sơ hợp lệ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ quá 06 tháng kể từ ngày hết thời gian thực hiện Hợp đồng thì nhiệm vụ được xếp loại “không đạt”; nếu quá 09 tháng kể từ ngày hết thời gian thực hiện Hợp đồng mà tổ chức chủ trì không nộp hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ thì Sở KH&CN xử lý như nhiệm vụ không hoàn thành do nguyên nhân chủ quan.

Điều 22. Thanh lý hợp đồng

Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thanh lý sau khi được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chính thức đánh giá xếp loại "Đạt" trở lên, có quyết định phê duyệt quyết toán và giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 23. Xử lý đối với nhiệm vụ không hoàn thành

Đối với nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành, Sở KH&CN phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan xác định nguyên nhân và số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định tại thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015.

Điều 24. Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin, báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN

Việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin, báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định về đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin tại thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ KH&CN.

Điều 25. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN

Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ KH&CN.

Điều 26. Xử lý tài sản

Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước sau khi kết thúc được xử lý theo quy định tại thông tư số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01/9/2015 liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính.

Chương III
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

Điều 27. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN

a) Hàng năm, ngành, huyện thông báo cho các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

b) Ngành, huyện tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KH&CN do các tổ chức, cá nhân đề xuất trình Hội đồng KH&CN ngành, huyện.

Điều 28. Hội đồng KH&CN ngành, huyện

1. Hội đồng KH&CN ngành, huyện

Do thủ trưởng ngành, huyện quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng KH&CN ngành, huyện.

2. Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn, xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đề xuất đặt hàng về: tên nhiệm vụ, mục tiêu, phương thức thực hiện (giao trực tiếp hoặc tuyển chọn, nếu giao trực tiếp thì nêu rõ tổ chức chủ trì), yêu cầu sản phẩm, tổ chức ứng dụng kết quả cho từng nhiệm vụ.

3. Phương thức làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có chủ tịch Hội đồng và thư ký khoa học. Đại diện của tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có thể được mời tham dự phiên họp của Hội đồng.

b) Các thành viên Hội đồng thảo luận từng nhiệm vụ được đề xuất đặt hàng về các tiêu chí sau: tính cấp thiết, tính mới, tính khả thi, khả năng ứng dụng, khả năng nhân rộng và khả năng huy động nguồn lực để triển khai thực hiện.

c) Hội đồng xem xét, bỏ phiếu đánh giá sự cần thiết thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đề nghị thực hiện khi có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt bỏ phiếu đề nghị thực hiện. Biên bản họp Hội đồng bao gồm thông tin chính của các nhiệm vụ được đề xuất thực hiện: tên nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm dự kiến, phương thức thực hiện (giao trực tiếp hoặc tuyển chọn, nếu giao trực tiếp thì nêu rõ tổ chức chủ trì), tổ chức ứng dụng kết quả cho từng nhiệm vụ.

Điều 29. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN

1. Ngành, huyện hoàn thiện đề xuất đặt hàng theo biên bản họp Hội đồng KH&CN ngành, huyện và xác định nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Ngành, huyện quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN sử dụng kinh phí của ngành, huyện và gửi hồ sơ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN có sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN tỉnh cho Sở KH&CN, hồ sơ gồm:

a) Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

b) Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

c) Kế hoạch và phương án nguồn lực khả thi, phù hợp của đơn vị tiếp nhận để ứng dụng, nhân rộng kết quả thành công của nhiệm vụ.

2. Giám đốc Sở KH&CN xem xét, quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Điều 30. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Sau khi danh mục nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt, ngành, huyện thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị.

2. Sau khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ, Thủ trưởng ngành, huyện thành lập Hội đồng tư vấn và thực hiện tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN. Đối với các hồ sơ được đề nghị thực hiện, Hội đồng kết luận về các thông tin cơ bản: Tên tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Mục tiêu, nội dung và sản phẩm KH&CN chính của nhiệm vụ với các yêu cầu khoa học, chất lượng tương ứng cần phải đạt (nếu có); Nhu cầu nhân lực, nguyên vật liệu chủ yếu, năng lượng, máy móc thiết bị, thời gian thực hiện; Phương thức khoán chi (khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần); Các điểm cần chỉnh sửa khác trong nội dung thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.

Hội đồng ủy quyền cho tổ thẩm định kinh phí do chủ tịch Hội đồng là tổ trưởng, thành viên là đại diện phòng Tài chính – Kế hoạch và một số thành viên khác do chủ tịch Hội đồng mời. Thư ký hành chính của tổ thẩm định kinh phí là thư ký hành chính của Hội đồng. Tổ thẩm định kinh phí tiến hành thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ.

Điều 31. Phê duyệt nhiệm vụ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ KH&CN theo kết luận của Hội đồng, trình thủ trưởng ngành, huyện phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

Điều 32. Phân khai kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Vận dụng Điều 5 của thông tư số 01/VBHN-BKHCN ngày 28/11/2014 của Bộ KH&CN Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, áp dụng cụ thể thành phần hồ sơ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh gồm:

1. Ngành, huyện nộp 05 bộ hồ sơ đề nghị giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN tỉnh về Sở KH&CN. Hồ sơ bao gồm:

- Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN;
- Biên bản họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp;
- Quyết định giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;
- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của ngành, huyện.

2. Trên cơ sở hồ sơ nhiệm vụ của các ngành, huyện, Sở KH&CN gửi văn bản đề Sở Tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt, phân khai kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt, phân khai kinh phí sự nghiệp KH&CN của UBND tỉnh, Sở Tài Chính cấp kinh phí ủy quyền thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho ngành, huyện.

Điều 33. Thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Các ngành, huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai nhiệm vụ KH&CN:

a) Ký kết hợp đồng triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Các ngành, huyện có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ, chế độ báo cáo; tổ chức kiểm tra định kỳ việc thực hiện nhiệm vụ về tiến độ, nội dung, kinh phí... theo thuyết minh đã phê duyệt và hợp đồng đã ký kết hoặc kiểm tra đột xuất khi có vấn đề phát sinh;

c) Cấp và thanh, quyết toán kinh phí: Sau khi hoàn thành các nội dung chuyên môn, các ngành, huyện chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

d) Tổ chức đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

2. Sở KH&CN tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Điều chỉnh nhiệm vụ KH&CN

Những điều chỉnh không làm thay đổi mục tiêu và kết quả của nhiệm vụ; thời gian kéo dài thêm không quá 6 tháng và không quá niên độ ngân sách năm; không làm phát sinh tăng thêm kinh phí từ nguồn SNKH thì do thủ trưởng các ngành/huyện quyết định. Các trường hợp khác, các ngành, huyện báo cáo để Giám đốc Sở KH&CN tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (Chủ tịch Hội đồng KH&CN cấp tỉnh) quyết định.

4. Đình chỉ thực hiện nhiệm vụ

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, nếu có căn cứ để khẳng định việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KH&CN là không cần thiết hoặc không có khả năng hoàn thành mục tiêu đã được phê duyệt; Tổ chức chủ trì sử dụng kinh phí được cấp không đúng mục đích thì thủ trưởng các ngành, huyện báo cáo Sở KH&CN quyết định đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

5. Ngành, huyện chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu; thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN; báo cáo kết quả thực hiện về sở KH&CN (Bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ; Biên bản nghiệm thu nhiệm vụ, Văn bản duyệt quyết toán); lưu hồ sơ nhiệm vụ theo quy định.

Điều 34. Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN

Ngành, huyện chịu trách nhiệm đôn đốc cơ quan chủ trì đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học công nghệ thuộc Sở KH&CN theo Quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN “*Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN*”.

Điều 35. Xử lý đối với nhiệm vụ không hoàn thành

Đối với nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành, ngành, huyện phối hợp với Sở KH&CN, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan xác định nguyên nhân và số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định tại thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015.

Điều 36. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN

Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ KH&CN.

Điều 37. Xử lý tài sản

Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước sau khi kết thúc được xử lý theo quy định tại thông tư số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01/9/2015 liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 38. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Sở KH&CN tổ chức xét và đề nghị UBND tỉnh khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN, thành viên các Hội đồng KH&CN có vi phạm trong quá trình thực hiện sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở KH&CN chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn và kiểm tra thực hiện quy định này.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố áp dụng quy định này để quản lý nhiệm vụ KH&CN theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Huy Hậu